

**BAN CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI,
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1809** /BCĐ-VPĐM

Hà Nội, ngày **31** tháng 3 năm 2021

V/v lấy ý kiến dự thảo kế hoạch và đề
cương Tổng kết 20 năm thực hiện NQ số
13-NQ/TW ngày 18/3/2002 và Tổng kết 10
năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

Kính gửi:

- Ban Kinh tế trung ương;
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Xây dựng, Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban dân tộc;
- Các cơ quan thuộc Chính phủ: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm khoa học Xã hội Việt Nam;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Tỉnh ủy/thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Tại Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70/KL-TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã giao Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; xây dựng Nghị quyết mới sau khi có kết quả tổng kết; đồng thời giao Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương nghiên cứu tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

Thực hiện nhiệm vụ trên, Thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã dự thảo Kế hoạch và Đề cương Tổng kết 20 năm thực hiện NQ số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 và Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương có ý kiến đối với các dự thảo văn bản (được gửi kèm theo¹) và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đồng thời gửi kèm bản mềm qua email: cucphtx@mpi.gov.vn) trước ngày **12/4/2021**.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan. *N*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTgCP Trịnh Đình Dũng (dê b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các hội, đoàn thể: Hội Nông dân VN, Hội LHPNVN, Đoàn TNCS HCM, Hội CCB VN;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- BKHĐT: Các đơn vị trong bộ;
- Lưu: VT, VPĐM, Cục PHTX (30 bộ).

S415

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Nguyễn Chí Dũng**

¹ Bản mềm các dự thảo văn bản được đăng tải tại đường link: <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=49516&idcm=131>, trường hợp chưa nhận được xin vui lòng với liên hệ với đồng chí Quách Thái Sơn (sdt: 0942393438), chuyên viên Cục Phát triển Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận bản mềm.

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW NGÀY 18/3/2002, HỘI NGHỊ LẦN THỨ 5, BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày / /2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Việc tổng kết nhằm đánh giá kết quả triển khai và tình hình phát triển kinh tế tập thể sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi là tắt là Nghị quyết số 13-NQ/TW), gồm: kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; đề xuất định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế tập thể thời gian tới phù hợp với tình hình thực tế, phục vụ việc xây dựng dự thảo Nghị quyết mới về phát triển kinh tế tập thể.

2. Yêu cầu:

- Việc tổng kết phải bám sát các nội dung của Nghị quyết số 13-NQ/TW, đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện Nghị quyết.

- Việc tổng kết Nghị quyết phải tiến hành đúng trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, đánh giá cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực và khảo sát tại các địa phương mang tính đại diện vùng, miền; phải đưa ra được phương hướng, mục tiêu, giải pháp những năm tiếp theo.

- Xác định rõ nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và thực hiện đầy đủ nội dung, đúng tiến độ đã nêu trong kế hoạch.

- Việc tổng kết Nghị quyết phải bảo đảm thực chất, tránh hình thức, nghiên cứu kế thừa kết quả tổng kết 15 thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, từ đó có thể tác động tới nhận thức của xã hội về kinh tế tập thể và khắc phục được những bất cập trong thực thi pháp luật, các cơ chế chính sách về kinh tế tập thể.

- Lồng ghép tối đa các hoạt động tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW với các hoạt động tổng kết Luật Hợp tác xã năm 2012, bảo đảm công tác tổng kết tiến hành thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

II. KẾ HOẠCH TỔNG KẾT:

1. Đối tượng: các cấp Đảng ủy từ cơ sở đến Trung ương gồm: cấp huyện, cấp tỉnh; các bộ, ngành, cơ quan có liên quan.

2. Thời gian:

2.1. Thời gian tổ chức thực hiện việc tổng kết: Từ tháng 3/2021 đến tháng 12/2021.

2.2. Về mốc thời gian số liệu báo cáo tổng kết: Sử dụng số liệu về tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã bắt đầu từ thời điểm ngày 31/12/2001 đến thời điểm (số dự kiến) ngày 31/12/2021.

3. Nội dung và tiến độ triển khai thực hiện:

3.1. Trong tháng 5/2021: thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết; dự thảo Đề cương và Kế hoạch tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trình Trưởng ban Chỉ đạo phê duyệt.

Phương án 1: Báo cáo Ban Bí thư thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết.

Dự kiến thành phần Ban Chỉ đạo gồm:

- Trưởng ban: Thủ tướng Chính phủ.
- Các Phó Trưởng ban:
 - + Trưởng ban Kinh tế Trung ương.
 - + Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX.
 - + Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Các Ủy viên là các bộ, ngành, cơ quan có liên quan.

Phương án này được thực hiện theo thông lệ tổng kết Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao cho các Ban Đảng chủ trì thực hiện.

Phương án 2: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết.

Dự kiến thành phần Ban Chỉ đạo gồm:

- Trưởng ban: Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX.
- Các Phó Trưởng ban:
 - + Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - + Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - + Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
- Các Ủy viên là các bộ, ngành, cơ quan có liên quan trong Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX.

Theo phương án 2, thì Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết sẽ có cơ cấu, thành phần là Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX; điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc lồng ghép các hoạt động tổng kết Nghị quyết với hoạt động tổng kết Luật Hợp tác xã gồm: họp Ban Chỉ đạo, tổ chức các hội thảo lấy ý kiến góp ý, tổ chức các đoàn công tác khảo sát tại các địa phương, tổ chức hội nghị tổng kết toàn quốc... (hiện nay, tại Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020, Chính phủ đã giao Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thực hiện cùng lúc 02 nhiệm vụ: Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW và Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012).

3.2. Từ tháng 6/2021 đến cuối tháng 9/2021:

a) Các hoạt động tổng kết và xây dựng báo cáo tại các bộ, ngành, địa phương:

- Các Bộ, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trên cơ sở tình hình thực tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, chủ động triển khai kế hoạch, lựa chọn hình thức tổng kết của bộ, ngành mình phù hợp, hiệu quả; xây dựng và gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết về Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 30/9/2021.

- Tỉnh ủy/ thành ủy 63 tỉnh, thành phố tiến hành tổng kết và tổ chức Hội nghị Tổng kết ở hai cấp:

- + Cấp huyện: Chậm nhất trong tháng 8 năm 2021.
- + Cấp tỉnh: Chậm nhất trong tháng 9 năm 2021.

Sau khi tổ chức Hội nghị Tổng kết, tỉnh ủy/thành ủy 63 tỉnh, thành phố hoàn thiện và gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết về Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 30/9/2021.

b) Hoạt động nghiên cứu, xây dựng báo cáo chuyên đề:

Ban Chỉ đạo Trung ương giao các bộ, ngành chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng một số chuyên đề chuyên sâu (trong Phụ lục kèm theo) gửi về Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 30/9/2021 để tổng hợp.

c) Hoạt động khảo sát trong nước:

Tổ chức 7 đoàn công tác đi khảo sát tại 7 vùng, làm việc với các địa phương và hợp tác xã:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì đoàn công tác tại các vùng: Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Đông Nam Bộ.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đoàn công tác tại các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Cửu Long.

- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì đoàn công tác tại các vùng: Tây Nguyên; Nam Trung Bộ.

Các Bộ, ngành, cơ quan được giao chủ trì tổ chức Đoàn công tác chủ động lên kế hoạch, chương trình, thành phần Đoàn công tác và xây dựng, hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả khảo sát. Báo cáo kết quả khảo sát và gửi về Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 30/9/2021 để tổng hợp.

d) Hoạt động khảo sát nước ngoài: Tùy theo điều kiện cho phép, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức một số đoàn đi nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3.3. Trước 15/10/2021:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

Báo cáo kết quả Hội nghị tổng kết gửi về Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15/10/2021.

3.4. Từ 15/10/2021 đến tháng 12/2021:

Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết, dự thảo Nghị quyết mới về phát triển kinh tế tập thể; lấy ý kiến góp ý đối với Dự thảo

báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết, dự thảo Nghị quyết mới về phát triển kinh tế tập thể và hoàn thiện Dự thảo, báo cáo Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3.5. Trong tháng 12 năm 2021: Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết.

3.6. Trong tháng 3 năm 2022: hoàn thiện báo cáo tổng kết Nghị quyết, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến về báo cáo tổng kết Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết mới về phát triển kinh tế tập thể.

3.7. Trong tháng 5 năm 2022: trình hội nghị Trung ương cho ý kiến về báo cáo tổng kết Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết mới về phát triển kinh tế tập thể.

3. Khen thưởng:

Các bộ, ngành, cơ quan, tỉnh ủy/thành ủy 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn cá nhân, tập thể, cơ quan, hợp tác xã có thành tích điển hình trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định và công bố khen thưởng tại hội nghị tổng kết Nghị quyết các cấp (từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2021).

Giao Thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn cụ thể, chi tiết trong tháng 6 năm 2021.

4. Kinh phí:

4.1. Kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết ở bộ, ngành, địa phương nào thì bộ, ngành, địa phương đó quyết định theo quy định hiện hành.

4.2. Đối với kinh phí phục vụ Ban chỉ đạo trong việc thực hiện tổng kết Nghị quyết: Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự trù kinh phí phục vụ các hoạt động của Ban chỉ đạo, Tổ biên tập tổng kết Nghị quyết; kinh phí tổ chức một số đoàn công tác của Ban chỉ đạo đi nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã; kinh phí tổ chức một số đoàn công tác của Ban chỉ đạo đi khảo sát một số địa phương, địa bàn trọng điểm, có tính chất vùng miền, có mô hình phát triển hợp tác xã hay và điển hình; kinh phí thuê chuyên gia, người lao động tham gia tổng kết Nghị quyết; kinh phí khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết; kinh phí tổ chức các hội thảo, hội nghị để lấy ý kiến về Dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết mới; kinh phí tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết và các kinh phí khác liên quan đến việc tổng kết Nghị quyết.

4.3. Bộ Tài chính bố trí kinh phí cho Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và các bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tổng kết Nghị quyết.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã phân công các đồng chí Phó Trưởng ban, các đồng chí ủy viên Ban chỉ đạo là đại diện của các Ban, Bộ, ngành trực tiếp theo dõi, chỉ đạo các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành mình.

2. Các Ban, Bộ, ngành khác có liên quan: Theo dõi, chỉ đạo tổng kết các nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Các Ban, Bộ, ngành liên quan và các địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện việc tổng kết Nghị quyết bảo đảm có hiệu quả, chất lượng, đúng thời gian quy định.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tham gia vào việc tuyên truyền trong quá trình tiến hành tổng kết Nghị quyết.

5. Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tích cực đôn đốc các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương tiến hành tổng kết Nghị quyết bảo đảm hiệu quả và tiến độ theo kế hoạch./.

Phụ lục

CÁC CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU PHỤC VỤ XÂY DỰNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW NGÀY 18/3/2002

- 1. Chuyên đề:** Lý luận và thực tiễn về kinh tế tập thể, hợp tác xã: Tổng hợp các bài viết, nghiên cứu trong và ngoài nước về lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn 2001-2021 (*Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam chủ trì*).
- 2. Chuyên đề:** Một số vấn đề lý luận về kinh tế hợp tác, hợp tác xã và các hình thức liên kết hợp tác ở Việt Nam (*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*).
- 3. Chuyên đề:** Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Quá trình hình thành và phát triển. (*Ban Kinh tế Trung ương chủ trì*).
- 4. Chuyên đề:** Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức, hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã. Những vấn đề đặt ra và kiến nghị giải pháp (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).
- 5. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực bảo hiểm. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì*).
- 6. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực giao thông vận tải. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Giao thông vận tải chủ trì*).
- 7. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì*).
- 8. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tiêu dùng. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Công Thương chủ trì*).
- 9. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Công Thương chủ trì*).
- 10. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, y tế. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Y tế chủ trì*).
- 11. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở tại các khu đô thị. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Xây dựng chủ trì*).
- 12. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng. Xu hướng và giải pháp (*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì*).
- 13. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực môi trường, cung cấp nước sạch. Xu hướng và giải pháp (*Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì*).
- 14. Chuyên đề:** Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp. Xu hướng và giải pháp. (*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì*).
- 15. Chuyên đề:** Phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hợp tác xã và quản lý nhà nước về hợp tác xã. Xu hướng và giải pháp. (*Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì*).

- 16. Chuyên đề:** Bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã tại các Bộ, ngành, địa phương. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*Bộ Nội vụ chủ trì*).
- 17. Chuyên đề:** Vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW (*Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).
- 18. Chuyên đề:** Nghiên cứu và đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động đối với liên đoàn hợp tác xã. (*Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).
- 19. Chuyên đề:** Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hệ thống hợp tác xã tại địa phương (*Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).
- 20. Chuyên đề:** Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW (*Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì*).
- 21. Chuyên đề:** Nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với hợp tác xã của nông dân; tuyên truyền, vận động hội viên nông dân nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, tích cực tham gia thành lập hợp tác xã của nông dân (*Trung ương Hội nông dân Việt Nam*).
- 22. Chuyên đề:** Nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với hợp tác xã của thanh niên (đặc biệt là hợp tác xã của sinh viên); tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia thành lập hợp tác xã của sinh viên (*Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*).
- 23. Chuyên đề:** Hỗ trợ hợp tác xã phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021-2030 (*Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam*).
- 24. Chuyên đề:** Nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với hợp tác xã của cựu chiến binh; tuyên truyền, vận động hội viên nông dân nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, tích cực tham gia thành lập hợp tác xã của cựu chiến binh. (*Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam*).

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG

TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW NGÀY 18/3/2002, HỘI NGHỊ LẦN THỨ 5, BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày / /2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Khái quát mục tiêu, vai trò, vị trí của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và căn cứ tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi là tắt là Nghị quyết số 13-NQ/TW).

Lưu ý: các bộ, ngành, cơ quan trung ương khái quát về vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong quá trình hoạch định chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; các địa phương khái quát về vai trò, vị trí và đóng góp của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Khái quát quá trình tổ chức tổng kết Nghị quyết của bộ, ngành, địa phương mình.

PHẦN THỨ NHẤT
BỐI CẢNH TÌNH HÌNH VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

I. KHÁI QUÁT, BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

- Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW và trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

- Đặc điểm và những yêu cầu về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

- Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết (bao gồm cả các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư sau khi Nghị quyết được ban hành¹); liệt kê cụ thể các quyết định, kế hoạch, chương trình hành động triển khai Nghị quyết...

- Các hình thức triển khai thực hiện Nghị quyết, những cách làm, những bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh những cách làm mới, sáng tạo, được đánh giá là hiệu quả khi triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế này.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 20 NĂM QUA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thực tiễn hoạt động, bám sát các định hướng, nhiệm vụ về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW, đề nghị các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương tổng kết, đánh giá theo các nội dung sau đây:

1. Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của tổ chức kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhất là trong bối cảnh tâm lý hoài nghi, mặc cảm với mô hình hợp tác xã kiểu cũ trong xã hội tại thời điểm Nghị quyết được ban hành còn khá phổ biến.

Các bộ, ngành, địa phương cần báo cáo những biện pháp, cách thức triển khai trong việc tuyên truyền và thống nhất nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã; kết quả đạt được từ những biện pháp đó trong đó nêu rõ những nội dung nào đã có sự thống nhất, nội dung nào còn chưa thống nhất; những vấn đề còn vướng mắc trong công tác thống nhất nhận thức.

2. Về xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển

Sau khi Nghị quyết được ban hành, môi trường thể chế để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển đã từng bước được hoàn thiện, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, trong

¹ Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

đó có Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012 cùng rất nhiều các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương đánh giá trên các khía cạnh sau đây:

- Tính đầy đủ của hệ thống văn bản pháp luật: thông qua việc thống kê số văn bản pháp luật do cơ quan mình ban hành và số lượng trình cấp có thẩm quyền ban hành (dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định...) theo phụ lục...

- Tính đầy đủ, phù hợp trong việc thể chế hóa: các quan điểm, định hướng, nhiệm vụ về phát triển hợp tác xã của Đảng thể hiện trong Nghị quyết 13-NQ/TW và các văn kiện Đại hội Đảng, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư được ban hành từ sau khi có Nghị quyết số 13-NQ/TW đến nay: đã thể chế hóa đầy đủ hay chưa? Nội dung nào còn chưa được thể chế (nếu có); trong quá trình thể chế có vướng mắc gì không? Đối với những văn bản đã ban hành và có hiệu lực thi hành trên thực tế cần đánh giá mức độ phù hợp của chính sách với thực tiễn.

- Tính kịp thời của văn bản: đánh giá tính kịp thời của văn bản thông qua việc xem xét thời gian ban hành so với chiến lược, kế hoạch hoặc chương trình xây dựng văn bản pháp luật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tính khả thi và hiệu lực của văn bản: đã bảo đảm tính khả thi ngay khi được ban hành và có hiệu lực hay phải chờ văn bản hướng dẫn để thực hiện, nêu những nội dung trong các Luật hoặc văn bản dưới luật chưa khả thi, hoặc ban hành ra không thực hiện được.

- Việc phổ biến phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hợp tác xã.

Lưu ý:

- Việc đánh giá không dàn trải theo năm mà tập trung vào từng giai đoạn để có tính tổng quát, có thể so sánh, đối chiếu nhằm làm rõ sự phát triển của hệ thống pháp luật. Các số liệu nên thống kê và phân tích, đánh giá theo các thời điểm: trước khi có Luật Hợp tác xã năm 2003 (trước năm 2003); giai đoạn sau khi có Luật Hợp tác xã năm 2003 (từ năm 2003 đến hết năm 2012) và giai đoạn sau khi có Luật Hợp tác xã năm 2012 (từ năm 2012 đến nay).

- Cách viết nên theo hướng nêu nhận định, đánh giá, sau đó là các số liệu chứng minh, không nên liệt kê.

3. Về sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách

3.1. Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực:

a) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và nghiệp vụ cho khu vực kinh tế tập thể.

b) Chính sách thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về công tác tại hợp tác xã.

c) Chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với thành viên và người lao động làm việc theo hợp đồng trong hợp tác xã.

3.2. Chính sách đất đai:

a) Chính sách giao đất không thu tiền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hợp tác xã nông nghiệp xây dựng trụ sở, làm cơ sở sản xuất kinh doanh.

b) Chính sách cho hợp tác xã phi nông nghiệp được thuê đất dài hạn, giảm mức nộp tiền thuê đất cho hợp tác xã.

3.3. Chính sách tài chính tín dụng:

a) Chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b) Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Chính sách hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho sản xuất nông nghiệp.

c) Xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp.

d) Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3.4. Chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ.

3.5. Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường.

3.6. Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

3.7. Chính sách khác:

a) Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

b) Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

c) Hỗ trợ về chế biến sản phẩm.

d) Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

đ) Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động hợp tác xã.

e)

.....

Lưu ý: đối với mỗi chính sách cần xác định rõ

+ *Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương.*

+ *Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của bộ, ngành, địa phương. Trong đó làm rõ những cơ chế, chính sách có tính chất đột phá nhằm đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.*

+ *Kết quả triển khai thực hiện từ khi chính sách được ban hành và có hiệu lực đến nay.*

+ *Những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cần phải khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.*

4. Về nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước

4.1. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể:

- Ở Trung ương: các bộ, ngành, cơ quan trung ương báo cáo rõ nội dung quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của bộ, ngành mình hiện đang được phân công cho đơn vị nào là đầu mối quản lý? Là đơn vị chuyên trách hay kiêm nhiệm? Số lượng biên chế được giao để thực hiện nhiệm vụ được phân công (ghi rõ số lượng cán bộ chuyên trách, số lượng cán bộ kiêm nhiệm).

- Ở địa phương: báo cáo rõ nội dung quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của địa phương mình hiện đang được phân công cho đơn vị nào là đầu mối quản lý (ở cấp tỉnh là phòng nào thuộc Sở nào? ở cấp huyện là phòng nào?). Là đơn vị chuyên trách hay kiêm nhiệm? Số lượng biên chế được giao để thực hiện nhiệm vụ được phân công (ghi rõ số lượng cán bộ chuyên trách, số lượng cán bộ kiêm nhiệm).

Địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tại địa phương chưa? Cơ cấu tổ chức, số lượng, thành phần? Vai trò của Ban Chỉ đạo trong phát triển kinh tế tập thể tại địa phương.

4.2. Về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể:

- Đánh giá về công tác đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của hợp tác xã, xây dựng hệ thống thông tin về hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, chính sách hỗ trợ ưu đãi đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể của Bộ, ngành đối với địa phương; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của hợp tác xã, của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Đánh giá về thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành.

.....

Lưu ý: ngoài việc mô tả thực trạng, khi đánh giá cần là rõ được một số nội dung cụ thể sau:

- Về tổ chức bộ máy: việc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại các bộ, ngành, địa phương đã đạt được mục tiêu của Nghị quyết và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn của phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa?

- Về công tác phân công, phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã: việc phân công công việc đã đúng chức năng, nhiệm vụ chưa? Có sự chồng chéo giữa các đơn vị không? Việc phối hợp giữa các đơn vị trong xử lý nhiệm vụ như thế nào?

- Về thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước: đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chưa? Những nhiệm vụ nào đã thực hiện nhưng còn chưa tốt? Những nhiệm vụ

nào chưa thực hiện được (nếu có); có trình trạng buông lỏng quản lý hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động của hợp tác xã (như can thiệp vào phương án sản xuất kinh doanh và công tác nhân sự của hợp tác xã) không?

- Về đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã: có am hiểu và nhận thức đúng về lĩnh vực kinh tế tập thể? Công tác đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã?

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

5. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể, HTX.

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò quan trọng trong việc vận động quần chúng tham gia kinh tế tập thể.

Trong báo cáo, các cơ quan, đoàn thể cần làm nổi bật được những hoạt động của mình trong việc tuyên truyền, vận động hội viên tham gia vào sự phát triển kinh tế tập thể; vai trò hỗ trợ của mình đối với các hội viên khi tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể; vai trò giám sát, phản biện, bảo vệ hội viên trong quá trình xây dựng và thực hiện các quy định pháp luật, các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với kinh tế tập thể.

Báo cáo cũng cần làm rõ số lượng hội viên là thành viên của hợp tác xã trên tổng số hội viên; số lượng hợp tác xã do hội viên của mình làm quản lý; những hỗ trợ của đoàn thể, hiệp hội (nếu có) khi hội viên tham gia hợp tác xã.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 20 NĂM QUA

1. Về tổ hợp tác

- Tổng hợp số liệu và đánh giá sự phát triển của các loại hình tổ hợp tác hiện nay (số lượng, số thành viên, số tổ có đăng ký, cơ cấu tổ hợp tác trong các lĩnh vực...); so sánh số liệu dự kiến ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001;

- Tính chất và trình độ phát triển của các tổ hợp tác;

- Tình hình và kết quả hoạt động của các tổ hợp tác, vai trò của tổ hợp tác trong việc giúp các hộ thành viên phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao thu nhập, đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo; so sánh số liệu dự kiến ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001;

- Kết quả việc khắc phục các hạn chế, khó khăn của tổ hợp tác (về nhận thức, về pháp lý, về mô hình và công tác quản lý, về các biện pháp trợ giúp,...);

- Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của tổ hợp tác hiện nay.

2. Về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Tình hình phát triển hợp tác xã: số lượng, quy mô, mức góp vốn, mô hình tổ chức và kết quả hoạt động (so sánh số liệu thời điểm ngày 31/12/2001 với số liệu dự kiến 31/12/2021). Các loại hình hợp tác xã mới (hợp tác xã môi trường, hợp tác xã kinh doanh quản lý chợ, hợp tác xã của thanh niên, hợp tác xã nhà ở, hợp tác xã trường học...):

+ Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), trong đó có số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới; số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể.

+ Số thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào hợp tác xã; số hợp tác xã thành viên mới tham gia vào liên hiệp hợp tác xã; số lao động làm việc trong khu vực hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), số lao động mới.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực, vùng (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001).

+ Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

+ Tổng doanh thu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổng lợi nhuận của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

+ Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

+ Đóng góp của khu vực hợp tác xã vào tổng sản phẩm của địa phương và của nền kinh tế (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 và so với thời điểm 31/12/2001);

+ Tổng số nợ đọng của hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước 01/01/1997 và từ 01/01/1997 đến 31/12/2021), tổng số nợ đọng của thành viên với hợp tác xã.

+ Tổng số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012.

- Những chuyển biến của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác.

- Năng lực nội tại của các hợp tác xã: về vốn; về cơ sở vật chất; về cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong các hợp tác xã; về công tác tổ chức, quản lý trong hợp tác xã... (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001).

- Số liên hiệp hợp tác xã và vai trò của các liên hiệp hợp tác xã (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001);

- Hiệu quả kinh tế và xã hội của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vai trò của hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội khác trong cộng đồng (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001).

3. Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật, điển hình với cách làm mới:

Mỗi bộ, ngành, địa phương lựa chọn 1-3 mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật nhất của địa phương, ngành mình; báo cáo khái quát về tên, địa chỉ, loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; đóng góp nổi bật của hợp tác xã trong việc mang lại lợi ích cho thành viên (tạo việc làm, nâng cao nhu nhập, phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết, tương thân tương ái...), vai trò của hợp tác xã đối với cộng đồng dân cư và sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn (thông tin chi tiết về hoạt động của hợp tác xã đề nghị đính kèm trong phụ lục báo cáo).

4. Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị:

Mỗi bộ, ngành, địa phương lựa chọn 1-2 mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị; báo cáo khái quát về tên, địa chỉ, loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; công đoạn tham gia của hợp tác xã trong chuỗi giá trị; vai trò của hợp tác xã trong toàn bộ chuỗi giá trị; lợi ích thu được từ chuỗi giá trị (đối với hợp tác xã; đối với thành viên tham gia hợp tác xã; các đối tượng khác trong chuỗi giá trị). Thông tin chi tiết về hoạt động của hợp tác xã đề nghị đính kèm trong phụ lục báo cáo.

Lưu ý: nếu có sự trùng lặp với hợp tác xã đã nêu ở mục 3 thì chỉ cần nêu lại tên, đồng thời bổ sung các nội dung theo yêu cầu.

III. HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Những hạn chế, bất cập trong thống nhất nhận thức và quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Những hạn chế, bất cập trong việc xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận tiện cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển.

3. Những hạn chế, bất cập trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

4. Những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý của nhà nước về kinh tế tập thể.

5. Những hạn chế, bất cập về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể, HTX.

IV. NGUYÊN NHÂN

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

V. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá tổng quát

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện ở mục I và mục II, đối chiếu với yêu cầu của Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư²:

- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 13-NQ/TW, những mục tiêu nào đã đạt được, mục tiêu nào chưa đạt được; các mục tiêu này còn phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã không? Các mục tiêu mới cần đặt ra trong giai đoạn tới?

- Đánh giá những nội dung còn phù hợp của từng nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tiếp tục thực hiện; các nội dung không còn phù hợp; những việc chưa làm được, những việc không làm được; những việc cần thực hiện trong thời gian tới.

- Đánh giá về việc khắc phục những hạn chế, yếu kém của kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được nêu ra trong Nghị quyết; hạn chế nào đã được khắc phục, hạn chế nào còn tồn tại, hạn chế nào mới phát sinh.

2. Bài học kinh nghiệm

Trên cơ sở chỉ ra những nội dung của từng định hướng, giải pháp trong Nghị quyết số 13-NQ/TW được cho là còn phù hợp với bối cảnh, tình hình hiện nay cần tiếp tục thực hiện; những nội dung không còn phù hợp; những việc chưa làm được, những việc không làm được từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong việc ban hành, triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

PHẦN THỨ BA

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Bối cảnh trong nước và thế giới

² Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

1.1. Dự báo bối cảnh tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế có ảnh hưởng đến việc đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đối với ngành, lĩnh vực, địa bàn do bộ, ngành, địa phương mình phụ trách.

1.2. Những cơ hội, thách thức đặt ra đối với phát triển kinh tế tập thể

- Cơ hội:

- Thách thức:

2. Những yêu cầu đặt ra và xu hướng mới phát triển kinh tế tập thể

- Yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm.

- Xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu.

- Về lựa chọn mô hình hợp tác, liên kết trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Các xu hướng khác:

II. QUAN ĐIỂM

1. Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phát huy vai trò của khu vực tư nhân, vừa tăng cường sức mạnh tập thể, cộng đồng, tăng sức mạnh của từng thành viên và của cả cộng đồng, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Phát triển kinh tế tập thể nhanh và bền vững, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của người dân và tổ chức tham gia với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hoá - xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng vùng và của cả nước.

3. Phát triển kinh tế tập thể theo hướng gắn sản xuất, kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm và đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng cộng đồng thân thiện, văn minh. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp, liên đoàn hợp tác xã.

4. Phát triển kinh tế tập thể phù hợp với quy luật khách quan, dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xu hướng phát triển và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tiếp thu kinh nghiệm, ứng dụng linh hoạt, hiệu quả mô hình thành công trong nước và quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

5. Phát triển kinh tế tập thể đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt của Đảng, nhà nước và của toàn xã hội.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút nông dân, hộ kinh tế cá thể, cá nhân và nhiều tổ chức tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống thành viên, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

2.1. Về mục tiêu đến năm 2030:

- Cả nước có khoảng 140 nghìn tổ hợp tác với 2 triệu thành viên tổ hợp tác, 45 nghìn hợp tác xã với 8 triệu thành viên, 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

- Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60%- 70% trên tổng số hợp tác xã cả nước. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; 80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp để phấn đấu đến năm 2030 cả nước có trên 5.000 hợp tác xã và 500 tổ hợp tác đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Xử lý dứt điểm các hợp tác xã đã ngừng hoạt động và các hợp tác xã chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã.

(theo mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 đã được phê duyệt)

2.2. Về tầm nhìn đến năm 2045:

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về thống nhất và nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể.
2. Giải pháp về hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển.
3. Giải pháp về kiện toàn cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, các tổ chức chính trị-xã hội liên quan đến kinh tế tập thể.
4. Giải pháp về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể.
5. Giải pháp về, xây dựng các mô hình kinh tế tập thể kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0, hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Giải pháp về tư vấn, hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Giải pháp về hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống của các Liên hiệp HTX, HTX, tổ hợp tác, nông dân.

8. Giải pháp về tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước và thị trường để hỗ trợ các mô hình kinh tế tập thể sản xuất gắn với chuỗi giá trị làm cơ sở để triển khai nhân rộng.

9. Giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai thông qua mô hình kinh tế tập thể.

10. Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể.

11. Giải pháp về vai trò, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

12. Các giải pháp khác:

PHẦN THỨ TƯ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ban chấp hành Trung ương

Ban chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết mới về phát triển kinh tế tập thể trên cơ sở bổ sung, sửa đổi các nội dung cho phù hợp với thực tiễn.

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư thường xuyên theo dõi, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể.

- Các kiến nghị khác:

3. Đảng đoàn Quốc hội

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Luật Hợp tác xã mới thay thế Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Bố trí khoản ngân sách nhất định hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

- Các kiến nghị khác:

4. Ban cán sự Đảng Chính phủ, các Bộ, ngành

- Chính phủ: Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tăng cường chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Các Bộ, ngành: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã, nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với kinh tế tập thể và bố trí khoản kinh phí tương xứng để thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Các kiến nghị khác:

5. Các Ban Đảng ở Trung ương

- Ban Kinh tế Trung ương: Chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong hệ thống chính trị cả nước.

- Ban Tuyên giáo Trung ương: Quan tâm chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trường chính trị có chương trình giảng dạy về kinh tế tập thể, hợp tác xã; Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về vai trò, vị trí, bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động và những đóng góp của hợp tác xã kiểu mới.

- Các kiến nghị khác:

6. Đảng đoàn Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Liên minh hợp tác xã Việt Nam

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, thành viên, hội viên của mình tham gia xây dựng phát triển kinh tế tập thể.

- Đổi mới công tác phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về hợp tác xã ở Trung ương và địa phương để nâng cao hơn nữa công tác phối hợp.

- Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tập trung tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, thành viên, người lao động trong toàn hệ thống trên cơ sở đổi mới phương thức hoạt động cơ cấu lại hệ thống các trường đào tạo, các trung tâm sẵn có của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để hỗ trợ hợp tác xã phù hợp với điều kiện và tình hình mới.

- Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Các kiến nghị khác:

7. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, phổ biến, hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Các kiến nghị khác:

Phụ lục II

THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐÃ BAN HÀNH HOẶC TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

(áp dụng cho các bộ, cơ quan trung ương)

STT	Tên văn bản, số ký hiệu	Năm ban hành
I	Luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội	
1		
2		
	...	
II	Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ	
1		
2		
	...	
III	Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ	
1		
2		
	...	
IV	Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	
1		
2		
	...	
V	Các văn bản khác (nếu có)	
1		
2		
	...	

Phụ lục III
**THỐNG KÊ VỀ BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TẬP THỂ,
 HỢP TÁC XÃ**

STT	Địa phương	Đầu mối quản lý		Cán bộ theo dõi hiện có	
		Sở	Phòng phụ trách theo dõi	Chuyên trách ¹	Kiểm nhiệm
	Tỉnh ...				
	Cấp tỉnh	Sở KH &ĐT	Doanh nghiệp, KTTT, Tư nhân	1	4
	Cấp huyện		Tài chính kế hoạch	0	2

STT	Bộ/cơ quan trung ương	Đầu mối quản lý		Cán bộ theo dõi hiện có	
		Cục/Vụ/Viện	Phòng phụ trách theo dõi	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
	Bộ KH&ĐT	Cục PHTTX	Tất cả các đơn vị trong Cục	20	0

¹ Chuyên trách: được phân công chuyên về theo dõi kinh tế tập thể, hợp tác xã, không làm thêm các việc khác

Phụ lục IV

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2001-2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001-2011	Thời điểm 31/12/2011	Bình quân giai đoạn 2011-2021	Dự kiến thời điểm 31/12/2021
I	HỢP TÁC XÃ						
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%					
2	Tổng số hợp tác xã	HTX					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX					
	Số hợp tác xã giải thể	HTX					
	Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả	HTX					
3	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số thành viên mới	Thành viên					
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên					
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên					
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001-2011	Thời điểm 31/12/2011	Bình quân giai đoạn 2011-2021	Dự kiến thời điểm 31/12/2021
4	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Thành viên					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số lao động thường xuyên mới	Người					
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người					
5	Tổng vốn hoạt động của hợp tác xã	Tr đồng					
6	Tổng giá trị tài sản hợp tác xã	Tr đồng					
7	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm					
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm					
8	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm					
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm					
10	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người					
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001-2011	Thời điểm 31/12/2011	Bình quân giai đoạn 2011-2021	Dự kiến thời điểm 31/12/2021
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người					
II	LIÊN HIỆP HTX						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX					
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX					
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người					
4	Tổng vốn hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng					
5	Tổng giá trị tài sản liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng					
6	Doanh thu bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng/năm					
7	Lãi bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng/năm					
III	TỔ HỢP TÁC						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số tổ hợp tác có đăng ký thành lập	THT					
2	Số tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả	THT					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001-2011	Thời điểm 31/12/2011	Bình quân giai đoạn 2011-2021	Dự kiến thời điểm 31/12/2021
3	Tổng số thành viên	Thành viên					
4	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					
5	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					

Phụ lục V

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001-2011	Thời điểm 31/12/2011	Bình quân giai đoạn 2011-2021	Dự kiến thời điểm 31/12/2021
I	HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số hợp tác xã	HTX					
	<i>Trong đó:</i>						
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX					
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX					
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX					
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX					
5	Hợp tác xã thương mại	HTX					
6	Hợp tác xã vận tải	HTX					
7	Hợp tác xã môi trường	HTX					
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX					
9	Hợp tác xã khác	HTX					
II	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX					
	Chia ra:						

1	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX					
2	LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX					
3	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX					
4	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX					
5	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX					
6	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX					
7	LH hợp tác xã môi trường	LHHTX					
8	LH hợp tác xã nhà ở	LHHTX					
9	LH hợp tác xã khác	LHHTX					
III	TỔ HỢP TÁC						
	Tổng số Tổ hợp tác	THT					
	Chia ra:						
1	THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT					
2	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT					
3	THT xây dựng	THT					
4	THT thương mại	THT					
5	THT vận tải	THT					
6	THT môi trường	THT					
7	THT nhà ở	THT					
8	THT khác	THT					

1	Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp	HTX				Triệu đồng			
2	Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế	HTX				Triệu đồng			
3	Hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho sản xuất nông nghiệp	HTX				Triệu đồng			
4	Xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp	HTX				Triệu đồng			
5	Tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã	HTX				Triệu đồng			
IV	Chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ	HTX				Triệu đồng			
V	Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường	HTX				Triệu đồng			
VI	Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng	HTX				Triệu đồng			
VII	Chính sách khác								
1	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế- xã hội	HTX				Lần			
2	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	HTX				Triệu đồng			
3	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm	HTX				Triệu đồng			
4	Hỗ trợ thành lập mới	HTX				Triệu đồng			
5	Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	HTX				Triệu đồng			
6	Hỗ trợ khác (đề nghị ghi cụ thể nội dung)	HTX				Triệu đồng			

DỰ THẢO

**KẾ HOẠCH TỔNG KẾT
10 NĂM THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày / /2021 của
Trưởng ban Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá, tổng kết 10 năm triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 (sau đây gọi tắt là Tổng kết). Chỉ rõ kết quả đạt được và nội dung còn hạn chế, rút ra những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012; làm cơ sở để xây dựng Luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Hợp tác xã.

2. Yêu cầu

- Việc Tổng kết phải tiến hành một cách toàn diện, các bộ, ngành phải có báo cáo đầy đủ về thực trạng các loại hình hợp tác xã trong tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công thương, xây dựng, giao thông vận tải, tín dụng,...

- Việc Tổng kết phải tiến hành đúng trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, đánh giá cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực và khảo sát tại các địa phương mang tính đại diện vùng, miền qua đó phát hiện những vướng mắc về cơ chế chính sách, khâu yếu trong tổ chức thực hiện, đồng thời phát hiện các mô hình hợp tác xã tiên tiến, điển hình từ thực tiễn để quy chuẩn hóa và nhân rộng trên toàn quốc.

- Việc Tổng kết phải bảo đảm thực chất, tránh hình thức, từ đó nâng cao nhận thức của xã hội về hợp tác xã, hoàn thiện thể chế kinh tế và khắc phục được những bất cập trong thực thi.

- Việc Tổng kết phải tiến hành trên cơ sở phù hợp với định hướng thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Nghị quyết giám sát tối cao của Quốc hội về hợp tác xã, các luật chuyên ngành, Nghị quyết số 134/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW và Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Việc Tổng kết là cơ sở để đánh giá, nghiên cứu các vấn đề liên quan, chuẩn bị cho lập đề nghị xây dựng Luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Hợp tác xã.

3. Mốc thời gian số liệu báo cáo Tổng kết: Từ ngày 01/7/2013 đến ngày 31/12/2021 (số dự kiến).

II. CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Trong tháng 3 năm 2021: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Chỉ đạo) chủ trì xây dựng dự thảo Kế hoạch và Đề cương Tổng kết, gửi lấy ý kiến các bộ, ngành và địa phương.

2. Trong tháng 3, 4 năm 2021: Tổng hợp ý kiến các bộ, ngành, địa phương. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến cho Dự thảo Kế hoạch và Đề cương Tổng kết.

3. Trong tháng 5 năm 2021: Hoàn thiện dự thảo, trình Trưởng Ban Chỉ đạo ra Quyết định ban hành Kế hoạch và Đề cương triển khai Tổng kết.

4. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2021: Các bộ, ngành, địa phương tiến hành Tổng kết và tổ chức hội nghị Tổng kết (có mời Văn phòng Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Văn phòng đổi mới) tham dự các Hội nghị Tổng kết cấp tỉnh và trung ương) như sau:

- Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Tùy vào điều kiện thực tế có thể tổ chức Hội nghị Tổng kết lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công về kinh tế tập thể, hoàn thành trong tháng 9 năm 2021, nếu xét thấy cần thiết.

- Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành tổng kết và tổ chức Hội nghị Tổng kết ở hai cấp:

+ Cấp huyện: Trong tháng 8 năm 2021.

+ Cấp tỉnh: Trong tháng 9 năm 2021.

Sau khi tổ chức Hội nghị Tổng kết, các bộ, ngành, địa phương gửi Báo cáo Tổng kết về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/09/2021.

5. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2021: Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan tiến hành khảo sát nước ngoài (nếu có đủ điều kiện) và khảo sát trong nước.

Trung ương thành lập 07 đoàn công tác đi khảo sát tại một số địa phương:

- Vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức.

- Vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì tổ chức.

- Vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức.

Thành phần đoàn công tác bao gồm: Trưởng đoàn (lãnh đạo Bộ, cơ quan trên) và đại diện các Bộ, cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Văn phòng đổi mới).

Kế hoạch khảo sát, đề cương cụ thể do các Trưởng đoàn thuộc Bộ, ngành được phân công chủ trì tổ chức thông báo cho các địa phương trước khi đi khảo sát. Báo cáo kết quả khảo sát gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước 30 tháng 9 năm 2021.

6. Xây dựng báo cáo chuyên đề để làm rõ thêm một số nội dung Tổng kết, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/9/2021:

- Chuyên đề 1: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề 2: Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì*).

- Chuyên đề 3: Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ chế biến sản phẩm; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì*).

- Chuyên đề 4: Tình hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Bộ Tài Chính chủ trì*).

- Chuyên đề 5: Chính sách thuế, xóa nợ khê đọng đối với hợp tác xã, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dịch vụ hợp tác xã cung ứng cho thành viên. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Bộ Tài chính chủ trì*).

- Chuyên đề 6: Chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động và cán bộ quản lý trong hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì*).

- Chuyên đề 7: Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Bộ Công Thương chủ trì*).

- Chuyên đề 8: Chính sách tiếp cận vốn, ưu đãi về tín dụng. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*giao Ngân hàng nhà nước Việt Nam chủ trì*).

- Chuyên đề 9: Chính sách về giao đất và thuê đất đối với hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì*).

- Chuyên đề 10: Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới cho hợp tác xã. Xu hướng phát triển, ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Đánh giá và đề xuất giải pháp (*Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì*).

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề khoa học để hỗ trợ cho việc lập đề nghị xây dựng Luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Hợp tác xã sau khi Tổng kết, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/9/2021:

- Chuyên đề khoa học 1: Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng luật và các chính sách cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã hiện nay trên thế giới (*giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 2: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện thủ tục triển khai giải thể hợp tác xã và chuyển đổi hợp tác xã sang loại hình tổ chức khác. (*giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 3: Hoàn thiện quản lý đăng ký, đánh giá phân loại Hợp tác xã, chế độ báo cáo về kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số (*giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 4: Hoàn thiện khung khổ pháp lý, đề xuất các giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước cho lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (*giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 5: Kinh nghiệm quốc tế về Tài sản không chia và xử lý tài sản không chia của hợp tác xã khi giải thể và Kiểm soát nội bộ, kiểm toán hợp tác xã. Thực trạng và đề xuất hoàn thiện khung khổ pháp lý vấn đề này để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác xã (*giao Bộ Tài chính chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 6: Nghiên cứu hoàn thiện quy định về mức độ giao dịch giữa thành viên và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (*giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 7: Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý để hỗ trợ, thúc đẩy tổ hợp tác phát triển lên mô hình hợp tác xã (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 8: Nghiên cứu về thành viên liên kết, thành viên góp vốn, thành viên quản lý của hợp tác xã. Giải pháp cân bằng trong phân phối thu nhập và quyền lợi đối với các thành viên này trong hợp tác xã (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 9: Thực trạng và xu hướng phát triển các loại hình kinh tế tập thể ở nước ta và trên thế giới. Đề xuất giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý, mở rộng đối tượng và phạm vi điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của kinh tế tập thể và hội nhập với quốc tế (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt nam chủ trì*).

- Chuyên đề khoa học 10: Nghiên cứu hoàn thiện quy định về mức độ giao dịch giữa thành viên và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực giao thông (*giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì*).

8. Từ tháng 9 đến đầu tháng 10 năm 2021, tổ chức Hội nghị Tổng kết toàn quốc theo lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã và gửi báo cáo Tổng kết về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/10/2021 như sau:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành tổng kết và tổ chức Hội nghị Tổng kết toàn quốc về lĩnh vực nông nghiệp.

- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tiến hành tổng kết và tổ chức Hội nghị Tổng kết toàn quốc về lĩnh vực phi nông nghiệp.

9. Từ ngày 15/10/2021 đến ngày 05/11/2021: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tiếp thu sửa đổi và hoàn thiện dự thảo Báo cáo Tổng kết;

10. Từ ngày 05/11/2021 đến 20/11/2021, gửi xin lấy ý kiến các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan về dự thảo Báo cáo Tổng kết; tổ chức hội thảo lấy ý kiến; tiếp thu sửa đổi và hoàn thiện trình Trưởng Ban Chỉ đạo Báo cáo Tổng kết vào cuối tháng 11 năm 2021.

11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức Hội nghị Tổng kết toàn quốc trong tháng 12 năm 2021 tại Hà Nội.

III. KHEN THƯỞNG

Các bộ, ngành, cơ quan, Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chọn cá nhân, tập thể, cơ quan, hợp tác xã có thành tích điển hình trong việc triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, lập hồ sơ khen thưởng đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố khen thưởng theo quy định và công bố khen thưởng tại hội nghị tổng kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 các cấp (từ tháng 8 đến 12 năm 2021).

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hướng dẫn cụ thể, chi tiết trong tháng 6 năm 2021.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí khảo sát, làm việc với các địa phương, tổ chức hội thảo, hội nghị Tổng kết của các bộ, ngành, cơ quan và địa phương thực hiện theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giao Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác chỉ đạo, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tiến hành Tổng kết đảm bảo tiến độ thời gian quy định.

- Giao các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công khẩn trương tiến hành việc Tổng kết, bao gồm xây dựng các báo cáo chuyên đề, báo cáo chuyên đề khoa học, báo cáo khảo sát bảo đảm có hiệu quả, đúng thời gian quy định.

- Giao Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tham gia vào việc tuyên truyền trong quá trình tiến hành Tổng kết.

- Giao Ban Thi đua khen thưởng Trung ương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan đề xuất các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012./.

TRƯỞNG BAN

Trịnh Đình Dũng
PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

DỰ THẢO

**ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN
BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ 2012**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày / /2021 của
Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã)*

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của việc tổng kết tình hình thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012

Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm phổ biến quốc tế và phù hợp với xu hướng mới phát triển hợp tác xã (HTX) ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức HTX với hạt nhân là “hợp tác”, hỗ trợ thành viên, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Đến nay, sau gần 10 năm triển khai thực hiện, Luật HTX năm 2012 đã có tác động trên nhiều mặt. Nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển kinh tế tập thể (KTĐT), HTX đã được nâng lên. Khu vực HTX, nhất là những năm gần đây có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện Luật HTX năm 2012 đã có một số vấn đề nảy sinh cần phải được nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình phát triển của HTX trong bối cảnh mới.

2. Căn cứ tiến hành tổng kết

- Luật HTX 2012;

- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTĐT (giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo “Tổng kết 20 năm Nghị quyết và 10 năm thi hành Luật HTX”).

- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTĐT (giao Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTĐT HTX chủ trì Tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX 2012 và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì Xây dựng Luật mới hoặc sửa đổi bổ sung, hoàn thiện Luật HTX năm 2012).

- Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012;

- Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 193/2013/NĐ-CP chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012;

- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

- Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX.

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT HTX NĂM 2012

1. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật HTX năm 2012

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo việc xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật HTX 2012: những nội dung đã triển khai, nội dung chưa triển khai, lý do chưa triển khai và phương hướng xử lý trong thời gian tới.

Riêng với các địa phương bổ sung đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của tỉnh, thành ủy về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong lĩnh vực KTTT: những việc làm được, chưa làm được, nguyên nhân, phương hướng giải quyết trong thời gian tới.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục III đính kèm)

2. Công tác triển khai, giám sát thi hành Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện một số nội dung sau:

a) Tình hình triển khai hướng dẫn và thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về HTX, nhận thức của người dân, cán bộ quản lý cơ quan nhà nước về KTTT, HTX.

b) Tình hình tổ chức và hướng dẫn đăng ký HTX theo Luật; Tình hình đăng ký lại HTX theo Luật HTX 2012;

c) Tình hình chuyển đổi theo Luật HTX 2012 và giải thể HTX đến thời điểm báo cáo;

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục V đính kèm)

d) Tình hình cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX cho thành viên; tình hình góp vốn và tham gia của thành viên vào hoạt động của HTX; tình hình hợp nhất, sáp nhập HTX cùng ngành nghề và địa bàn hoạt động để tăng tiềm lực tài chính và quy mô hoạt động của HTX (số thành viên mới tham gia vào HTX; số

HTX hợp nhất, sáp nhập, ...); tình hình phát triển các loại hình HTX hoạt động ngành nghề, dịch vụ mới như môi trường, y tế...

e) Tình hình xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật HTX 2012 về quy mô, công nghệ, thị trường, năng lực nội tại của HTX...; tình hình triển khai Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025”.

3. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX

Đánh giá theo các nội dung của Điều 6 Luật HTX 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Nghị định số 107/2017/NĐ-CP, Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020, Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 và bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm xã hội, y tế, tài sản, mùa màng, hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp ..., cụ thể như sau:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;
- Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;
- Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới;
- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX;
- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
- Chính sách thành lập mới HTX, liên hiệp HTX (LH HTX);
- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng;
- Chính sách giao đất, cho thuê đất;
- Chính sách ưu đãi về tín dụng;
- Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;
- Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm.
- Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho người lao động trong HTX;
- Chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí...;
- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp;
- Chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục VI đính kèm)

Nêu chi tiết số HTX được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh; diện tích đất được giao...; chất lượng và hiệu quả của các chính sách trong thực tiễn; tình hình bố trí các nguồn lực tài chính thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển HTX; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

4. Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX

Đánh giá theo các quy định tại Điều 59 Luật HTX năm 2012, cụ thể các nội dung sau:

- Công tác thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về HTX: Việc thành lập bộ máy quản lý, bố trí cán bộ và thực hiện phân công quản lý nhà nước về KTTT ở các cấp: Trung ương, tỉnh, huyện và xã (đối với ngành Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

- Công tác thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo Đổi mới phát triển KTTT, HTX tại địa phương theo đúng tinh thần Nghị Quyết 134/NQ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ: “kiện toàn cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX từ Trung ương đến địa phương, theo hướng: Ở Trung ương là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ở địa phương là Sở Kế hoạch và Đầu tư để thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt trong công tác chỉ đạo, phối hợp, điều hành.”.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với KTTT của Bộ, ngành đối với địa phương; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của HTX, của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật (về tài sản, vốn góp, hoạt động hình thức; về sử dụng đất đai, tài sản không chia không đúng mục đích; về nghĩa vụ nộp thuế, phí với Nhà nước; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo...); thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với KTTT.

- Thực trạng và tình hình xử lý các hành vi bị nghiêm cấm theo Điều 12 Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo về HTX, LH HTX theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT.

5. Hợp tác quốc tế về KTTT, HTX

Tổng kết, đánh giá kết quả về sự hỗ trợ, giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế trong việc phát triển KTTT về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thông tin tư vấn, vốn đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HTX KỂ TỪ KHI LUẬT HTX NĂM 2012 CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH (01/7/2013 đến ngày 31/12/2021)

1. Đánh giá chung về tình hình phát triển KTTT, HTX

a) Số lượng HTX, LH HTX dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 1/7/2013), trong đó có số lượng HTX, LH HTX thành lập mới; số lượng HTX, LH HTX đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng HTX đã chuyển đổi, giải thể;

b) Số thành viên HTX, HTX thành viên dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào HTX; số HTX thành viên mới tham gia vào LH HTX; số lao động làm việc trong khu vực HTX dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013), số lao động mới;

c) Hiệu quả hoạt động của HTX, LHHHTX:

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của HTX, LH HTX (dự kiến đến thời điểm 31/12/2021), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013.

- Tổng thu nhập của HTX, LH HTX, tổng lợi nhuận của HTX, LH HTX (dự kiến đến thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013.

- Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX, LH HTX (dự kiến đến thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013.

- Đóng góp của khu vực HTX vào tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP của địa phương (dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 và so với thời điểm 01/7/2013);

- Tình hình HTX, LH HTX hoạt động hiệu quả theo Luật HTX 2012.

d) Số lượng cán bộ quản lý HTX, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ, trung cấp; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên; số lao động ở HTX được hỗ trợ bảo hiểm xã hội (dự kiến đến thời điểm 31/12/2021 và so sánh với thời điểm 01/7/2013).

e) Tình hình phát triển của Tổ hợp tác từ năm 2013 đến 2021. Đánh giá. (phục vụ cho nghiên cứu sửa đổi Luật).

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục I đính kèm)

2. Đánh giá theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 1/4/2020 về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX.

- Tình hình triển khai và kết quả đánh giá, phân loại HTX theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT trên của địa phương năm 2020: số lượng HTX theo ngành nghề, theo sản phẩm dịch vụ (sản xuất, tiêu dùng, lao động, hỗn hợp), theo quy mô thành viên, theo quy mô nguồn vốn, xếp loại HTX.

- Đánh giá tình hình HTX theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục IV đính kèm)

3. Đánh giá kết quả phát triển HTX theo lĩnh vực

Đánh giá tình hình phát triển của HTX, LH HTX theo từng lĩnh vực (Nông nghiệp; Công nghiệp; Xây dựng; Thương mại; Giao thông vận tải; Tín dụng; Lĩnh vực khác), trong đó nêu rõ số lượng HTX, LHHTX trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể dự kiến tại thời điểm 31/12/2021; so sánh sự tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013; số lượng thành viên HTX, LH HTX trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể dự kiến tại thời điểm 31/12/2021; so sánh sự tăng/giảm so với thời điểm 01/7/2013; những vấn đề phát triển nổi bật và một số điển hình tiên tiến (nếu có) kể từ khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành.

Đối với các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp cần đánh giá thêm tình hình thực hiện dịch vụ tiêu thụ, bảo quản, chế biến nông sản cho thành viên HTX và nông dân ở địa phương; dịch vụ tín dụng nội bộ và huy động vốn nội bộ; hỗ trợ thành viên áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, thống nhất trong toàn HTX; tình hình xây dựng và thực hiện phương án sản xuất kinh doanh; thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính năm của HTX; tình hình trích quỹ các loại (quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính)...

2.1 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp

2.2 HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ

2.3 HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (xây dựng, nhà ở...)

2.4 HTX hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải

2.5 HTX hoạt động trong lĩnh vực tín dụng (quỹ tín dụng nhân dân)

2.6 HTX hoạt động trong lĩnh vực khác (vệ sinh môi trường, y tế, cung cấp nước sạch, quản lý chợ, điện...)

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục II đính kèm)

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Kết quả đạt được

- Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn cho KTTT, HTX.
- Về nhận thức của xã hội, chính quyền đối với HTX theo Luật HTX năm 2012.
- Về tác động chính sách hỗ trợ của Nhà nước đến sự phát triển của KTTT, HTX.
- Về đóng góp tạo việc làm, ổn định an ninh, chính trị, đặc biệt trong tình hình dịch bệnh Covid-19.
- Về số lượng, quy mô HTX (thành viên, doanh thu), đóng góp KTTT, HTX trong nền kinh tế tại địa phương.
- Về đời sống, thu nhập của thành viên, HTX thành viên.

- Về trình độ ứng dụng khoa học, trình độ quản lý của HTX, liên kết theo chuỗi giá trị so với trước đây.

- Về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của HTX cung cấp cho thị trường trong nước và thế giới.

- Về những mô hình HTX làm ăn hiệu quả trên địa bàn.

- Những kết quả, giá trị khác do KTTT, HTX tạo ra ở địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế

Phân tích những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật và các chính sách cụ thể các nội dung sau:

- Về pháp luật, cơ chế chính sách ở trung ương và địa phương.

- Về tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp, trình độ của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Về chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX trong: chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thực hiện các thủ tục hành chính, xử lý vi phạm, xử lý giải thể HTX.

- Về hỗ trợ, bố trí nguồn lực của Nhà nước cho HTX.

- Về bản thân HTX.

- Các tồn tại khác.

2. Nguyên nhân

Phân tích cụ thể nguyên nhân chủ quan và khách quan đối với những tồn tại, hạn chế nêu trên.

3. Bài học kinh nghiệm

Những bài học kinh nghiệm rút ra từ Cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp, của HTX và xã hội trong quá trình triển khai thi hành Luật.

IV. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

Đề xuất các giải pháp phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế đã nêu.

2. Kiến nghị

a. Về sửa đổi Luật HTX năm 2012 và văn bản dưới luật

- Đề xuất là sửa đổi một số điều của Luật HTX năm 2012 hay sửa đổi Luật.

- Về quan điểm, định hướng về việc sửa đổi Luật, đồng thời giải thích, chứng minh bằng lý luận khoa học, kinh nghiệm thực tiễn, tài liệu cụ thể.

- Về nội dung Luật HTX năm 2012: Rà soát, chỉ ra nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hoặc xóa bỏ cụ thể tại từng Chương, Điều, Khoản, Mục.

(Theo mẫu Phụ lục VII đính kèm)

- Về hoàn thiện văn bản dưới luật.

Một số vấn đề đặt ra cho nghiên cứu, góp ý, đề nghị sửa đổi Luật:

1. Về tên Luật Hợp tác xã: thay đổi thành Luật Kinh tế tập thể hoặc Luật Kinh tế hợp tác hoặc tên khác để phù hợp với quy mô, thành phần của khu vực kinh tế tập thể trong nền kinh tế cả nước.

2. Tại Điều 1, 2: bổ sung thêm các đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Luật như: Tổ hợp tác, Liên đoàn Hợp tác xã (theo ngành nghề), Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển.

3. Về Điều chỉnh Điều 6 thành một Chương về Chính sách, hỗ trợ và ưu đãi của Nhà nước trong Luật để nâng cao hiệu quả, phù hợp với đặc thù của các từng đối tượng, lĩnh vực hoạt động của HTX.

4. Về quy định mức độ sử dụng sản phẩm dịch vụ giữa thành viên và HTX.

5. Về thành lập và đăng ký HTX, quản lý các HTX không phải đăng ký lại theo quy định Điều 62.

6. Về thủ tục sáp nhập, hợp nhất HTX.

7. Chính sách thuế đối với khu vực HTX, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dịch vụ HTX cung ứng cho thành viên.

8. Về hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về HTX.

9. Vị trí, vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, và các tổ chức chính trị trong quá trình triển khai Luật Hợp tác xã.

10. Hoàn thiện quy định về Liên hiệp HTX, Liên đoàn Hợp tác xã.

11. Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện quy định về chuyển đổi HTX sang loại hình tổ chức khác; quy định rõ trong Luật HTX.

12. Về kiểm soát nội bộ, kiểm toán HTX.

13. Vấn đề giải thể HTX, giải quyết vướng mắc và đơn giản hóa thủ tục.

14. Về tài sản không chia và xử lý tài sản không chia của HTX khi giải thể;

15. Về thành viên liên kết, thành viên đầu tư, thành viên quản lý và phân chia thặng dư, quyền biểu quyết đối với các thành viên này trong HTX.

16. Mối quan hệ giữa HTX và doanh nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc HTX, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm và hướng dẫn HTX quy trình sản xuất...

17. Các vấn đề khác.

b. Về tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật HTX

- Đối với các Bộ, ban, ngành, cơ quan có liên quan.
- Đối với các địa phương.
- Đối với HTX.

c. Về Chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước cho KTTT, HTX**d. Về Tổ chức quản lý Nhà nước đối với KTTT****e. Các kiến nghị khác**

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **30 tháng 9 năm 2021**.

(Bản mềm gửi qua hòm thư cucphtx@mpi.gov.vn) để tổng hợp./.

TRƯỞNG BAN

Trịnh Đình Dũng
PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

III	Tổ hợp tác	THT									
1	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT									
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên									
	Trong đó, số thành viên mới thu hút	Thành viên									
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/ năm									
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/ năm									

PHỤ LỤC III

TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN VỀ KTTT, HTX

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày / /2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã)

STT	Danh mục các văn bản	Năm ban hành	Số lượng văn bản ban hành từ năm 2013-2021				
			VB của Ban chỉ đạo PT KTTT, HTX	VB của của Tỉnh/HĐND	VB của UBND	Kế hoạch, chương trình, đề án	Chính sách hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1							
2							
3							
4							
5	...						
6						

Ghi chú: đánh dấu x vào các ô từ 4 đến 8 (loại văn bản)

PHỤ LỤC VII

BẢNG SO SÁNH LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012 VÀ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày / /2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã)

LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012	Nội dung sửa đổi	Giữ nguyên	Sửa đổi	Xóa	Bổ sung	Ghi chú
Tên: Luật Hợp tác xã						
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG						
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh						
Điều 2. Đối tượng áp dụng						
Điều 3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 4. Giải thích từ ngữ						
Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 6. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước						
Điều 7. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động						
Điều 8. Quyền của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 9. Nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 11. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm						
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN, HỢP TÁC XÃ THÀNH VIÊN						
Điều 13. Điều kiện trở thành thành viên, hợp tác xã thành viên						
Điều 14. Quyền của thành viên, hợp tác xã thành viên						
Điều 15. Nghĩa vụ của thành viên, hợp tác xã thành viên						
Điều 16. Chấm dứt tư cách thành viên, hợp tác xã thành viên						
Điều 17. Góp vốn điều lệ và giấy chứng nhận vốn góp						
Điều 18. Trả lại, thừa kế vốn góp						

CHƯƠNG III. THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ					
Điều 19. Sáng lập viên					
Điều 20. Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 21. Nội dung điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 22. Tên, biểu tượng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 23. Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 24. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 25. Sổ đăng ký thành viên, hợp tác xã thành viên					
Điều 26. Trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 27. Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh					
Điều 28. Thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ					
Điều 29. Cơ cấu tổ chức					
Điều 30. Đại hội thành viên					
Điều 31. Triệu tập đại hội thành viên					
Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của đại hội thành viên					
Điều 33. Chuẩn bị đại hội thành viên					
Điều 34. Biểu quyết trong đại hội thành viên					
Điều 35. Hội đồng quản trị hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 36. Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị					
Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng quản trị					
Điều 38. Giám đốc (tổng giám đốc) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
Điều 39. Ban kiểm soát, kiểm soát viên					

Điều 40. Điều kiện trở thành thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, giám đốc (tổng giám đốc) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng các chức danh quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
CHƯƠNG V. TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
Điều 42. Xác định giá trị vốn góp						
Điều 43. Tăng, giảm vốn điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 44. Huy động vốn và các khoản trợ cấp, hỗ trợ						
Điều 45. Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 46. Phân phối thu nhập						
Điều 47. Quản lý, sử dụng các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 48. Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 49. Xử lý tài sản và vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể						
Điều 50. Xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 51. Trình tự trả lại vốn góp						
CHƯƠNG VI. CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
Điều 52. Chia, tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 53. Hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 54. Giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 55. Giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
Điều 56. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
Điều 57. Tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						

Điều 58. Tổ chức liên minh hợp tác xã Việt Nam, tổ chức liên minh hợp tác xã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương						
CHƯƠNG VIII. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
Điều 59. Nội dung quản lý nhà nước						
Điều 60. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước						
Điều 61. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán						
CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH						
Điều 62. Điều khoản chuyển tiếp						
Điều 63. Hiệu lực thi hành						
Điều 64. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành						